TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2018/DS-PT
Ngày: 20.11.2018
V/v "tranh chấp chia
tài sản chung và chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Thu

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 và ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã A Nh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Lê Thị L

Người đại diện hợp pháp của cụ Lê Thị L: Ông Hồ Văn N (Văn bản ủy quyền ngày 24.02.2016) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn Ng (có mặt)

Đều cư trú tại: Tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị Q (có mặt)

2. Ông Hồ Văn N (có mặt)

3. Ông Hồ Ngọc C (có mặt)

4. Ông Hồ Thanh L (vắng mặt)

5. Ông Hồ Sĩ D (vắng mặt)

6. Bà Đào Thị Bích Th (có mặt)

7. Anh Hồ Hữu T2 (có mặt)

8. Bà Thân Thị H (có mặt)

9. Chị Nguyễn Thị Mộng D (có mặt)

10. Anh Hồ Ngọc V (vắng mặt)

11. Chị Hồ Thị H (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định.

12. Bà Nguyễn Thị B; cư trú tại: Thôn T D, xã N A, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định (có mặt).

13. Chị Hồ Thị M L; cư trú tại: Thôn Đ T Đ, xã P Q, huyện T P, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

14. Chị Hồ Thị N T; cư trú tại: Tổ 4, khu vực K C, phường B Đ, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

Ông Hồ Thanh L; ông Hồ Sĩ D; anh Hồ Ngọc V và chị Hồ Thị H có yêu cầu Tòa xử vắng mặt.

15. Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã A Nh

Người đại diện hợp pháp của UBND thị xã A Nh: Ông Huỳnh H – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên – Môi trường thị xã A Nh (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2017) (vắng mặt – có yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Hồ Văn Ng – bị đơn; bà Thân Thị H và bà Nguyễn Thị B – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Hồ Văn N - Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cụ Lê Thị L trình bày:

Vợ chồng cụ Hồ C (chết 1983), Trương Thị Đ (chết trước cụ C không xác định được thời gian) có 02 người con là: ông Hồ Thanh L và ông Hồ Sỹ D. Sau khi cụ Đ chết, cụ C sống chung với cụ Lê Thị L. Cụ C và cụ L có 04 con chung là: Hồ Văn N, Hồ Thị Q, Hồ Văn Ng và Hồ Ngọc C. Cụ L có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị B.

Tài sản do cụ C và cụ L tạo lập là ngôi nhà có diện tích 48m^2 (06 m x 08 m) xây dựng năm 1970 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thôn A N, xã N H, huyện A Nh, tỉnh Bình Định (nay là phường N H, thị xã A Nh) diện tích 1.375m^2. Ngày 17.4.1994 Ủy ban nhân dân huyện A Nh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lê Thị L tại diện tích đất nêu trên nhưng tách thành 02 thửa: Thửa số 217 tờ bản đồ số 07, diện tích 332m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 132m^2 đất vườn) và thửa số 218 tờ bản đồ số 07, diện tích 624m^2 (giữa 02 thửa đất không có ranh giới phân chia). Năm 1990, cụ L và các con xây dựng thêm 02 nhà chài. Hiện nay vợ chồng ông Hồ Văn Ng đang quản lý, sử dụng nhà và đất tại thửa số 217, tờ bản đồ số 07.

Các con chung của cụ L và cụ C là Q, N, C và Ng ở cùng cha mẹ. Sau khi lập gia đình, ông N mua đất làm nhà ở riêng; ông C và bà Q làm nhà ở riêng nhưng xây dựng trên đất của vợ chồng cụ L còn ông Ng ở với cụ L cho đến khi ông Ng lập gia đình với bà Thân Thị H thì vợ chồng ông Ng vẫn ở với cụ L trong ngôi nhà do vợ chồng cụ L tạo lập. Do vợ chồng ông Ng đối xử không tốt với cụ L nên cụ L sang ở nhà bà Q.

Trên đất còn có 01 chuồng heo do vợ chồng cụ L xây dựng nhưng khi ông C xây nhà bị vướng nên đã đập đi và xây chuồng heo mới.

Ngoài ra, vợ chồng cụ L còn tạo lập một số tài sản là vật dụng sinh hoạt gia đình gồm: 01 tủ đứng, 01 giường, 01 bàn vuông có 04 ghế dựa và 01 bộ salon (các tài sản này do ông Ng đang quản lý).

Cụ L yêu cầu chia tài sản chung giữa cụ và cụ C; yêu cầu chia quyền sử dụng ruộng đất cho các nhân khẩu trong hộ đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C.

Bị đơn ông Hồ Văn Ng trình bày:

Ông thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thống nhất về nguồn gốc nhà, đất và một số tài sản là vật dụng sinh hoạt gia đình. Vợ chồng ông đang ở tại ngôi nhà do cha mẹ tạo lập nhưng do nhà xuống cấp nên vợ chồng ông có phả nền xi măng phần nhà chài, nhà bếp; tu sửa chuồng heo; bồi trúc đất ở đầu hè nhà trên và phía sau; đóng 01 giếng khoan; xây 01 bể nước và trồng 01 cây xoài. Tổng giá trị các tài sản trên đất do vợ chồng ông bỏ ra là 80.000.000 đồng.

Ông không đồng ý chia phần đất có nhà do ông xây dựng mà chỉ đồng ý chia phần đất trống cho cụ L và các anh chị em. Nếu Tòa chia phần đất có tài sản do ông

xây dựng, bồi trúc cũng như hoa màu do ông trồng ông yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Các ông bà đồng ý chia tài sản chung là quyền sử dụng ruộng đất và chia di sản thừa kế theo yêu cầu của cụ Lê Thị L. Ông yêu cầu nhận hiện vật, thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc C, bà Hồ Thị Q thống nhất trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc các tài sản. Ông, bà đồng ý theo yêu cầu của cụ L chia quyền sử dụng ruộng đất, chia tài sản chung, chia di sản thừa kế. Ông, bà yêu cầu nhận hiện vật và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh L, ông Hồ Sỹ D thống nhất trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản. Thửa đất hiện ông Hồ Thanh L đang quản lý, sử dụng là di sản của cụ C và mẹ (Trương Thị Đ) tạo lập. Năm 1969 cụ C giao thửa đất này cho hai anh em ông; Năm 1975 ông Hồ Sỹ D mua nhà ở nơi khác, giao lại thửa đất này cho ông L. Năm 1994 Ủy ban nhân dân huyện A Nh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà Trần Thị L. Hai ông không nhận kỷ phần của mình được hưởng mà tự nguyện cho kỷ phần mình được hưởng cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H trình bày:

Bà là vợ ông Hồ Văn Ng. Bà thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Bích T, anh Hồ Hữu T2 trình bày:

Thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông Hồ Văn N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng D trình bày:

Bà là vợ của ông Hồ Ngọc C, bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc V, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Mỹ L và chị Hồ Thị Như T thống nhất trình bày:

Các anh chị là con của ông Hồ Thanh L, bà Trần Thị L. Về nguồn gốc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 07 đã được Ủy ban nhân dân huyện A Nh cấp cho cha mẹ các anh chị không biết do đâu mà có.

Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã A Nh đã xử:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00718/QSDĐ/I_8 ngày 17/9/1993 do Ủy ban nhân dân huyện A Nh (nay thị xã A Nh) cấp cho cụ Lê Thị L.

Tạm giao diện tích 419m^2 đất tại hai thửa: 217, 218 tờ bản đồ số 07 phường N H (Chưa được giao quyền sử dụng đất) cho cụ Lê Thị L quản lý.

Cụ Lê Thị L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích đất và sơ đồ đất thực tế đang sử dụng.

2. Chia quyền sử dụng đất đã được giao quyền sử dụng đất cho các thành viên trong hộ gia đình cụ Lê Thị L như sau:

a. Về ruộng: Ông Hồ Văn Ng được nhận 356,85m^2 (Diện tích ruộng này ông Ng đang quản lý); Buộc ông Ng phải giao lại cho cụ Lê Thị L 291,15m^2; ông Hồ Văn N, anh Hồ Hữu T2, bà Đào Thị Bích T được tiếp tục sử dụng chung diện tích ruộng: Thửa ruộng số 108, diện tích 402,3m^2 và 330m^2 của thửa ruộng số 128 bằng 732,3m^2 (Diện tích ruộng này gia đình ông N đang quản lý), ông Hồ Văn N phải giao cho cụ Lê Thị L 64,7m^2; bà Hồ Thị Q, ông Hồ Ngọc C được tiếp tục sử dụng chung 649m^2 ruộng (Diện tích này bà Q, ông C đang sử dụng chung), tất cả diện tích ruộng giao cho ông Q, ông C, ông Ng, cụ L đều thuộc thửa số 128, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định.

b. Về đất vườn: Chia cho cụ Lê Thị L, ông Hồ Văn Ng mỗi người được nhận 108m^2; ông Hồ Văn N, anh Hồ Hữu T2 được nhận chung 162,26m^2 (Trong đó phần ông N là 108m^2, phần anh T 54,26m^2). Bà Q, ông C mỗi người được 188,87m^2, tất cả diện tích đất vườn đều thuộc hai thửa 217 và 218, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường Nhơn Hưng, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định.

3. Chia tài sản chung của vợ chồng cụ Lê Thị L, cụ Hồ C như sau: cụ Lê Thị L, cụ Hồ C mỗi người được 100m^2 đất ở thuộc thửa đất số 217, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định và ½ ngôi nhà trên thửa đất số 217, tờ bản đồ số 7, trị giá 27.457.500 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Về chia di sản thừa kế của cụ Hồ C như sau:

a. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B được hưởng thừa kế của cụ Hồ C.

b. Xác định: Có 07 thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồ C gồm: cụ Lê Thị L, ông Hồ Thanh L, ông Hồ Sỹ D, bà Hồ Thị Q, ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn Ng và ông Hồ Ngọc C.

c. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Thanh L, ông Hồ Sỹ D không nhận kỷ phần thừa kế của mình được hưởng mà để cho cụ L và các em là bà Hồ Thị Q, ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn Ng và ông Hồ Ngọc C.

d. Chia di sản thừa kế của cụ Hồ C cho cụ Lê Thị L, bà Hồ Thị Q, ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Ngọc Ch mỗi người được 20m^2 đất ở và nhà trị giá 5.491.500 đồng (Năm triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Lê Thị L giao thêm cho bà Hồ Thị Q, ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Ngọc C mỗi người 20m^2 đất ở. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Lê Thị L và bà Hồ Thị Q tự nguyện giao thêm cho ông Hồ Văn N 12,84m^2 đất vườn, ông Hồ Văn Ng 83,17m^2 đất vườn, ông Hồ Ngọc C 30,03m^2 đất vườn từ phần đất vườn của cụ L và bà Q.

Cụ thể như sau:

Bà Q được 196,8m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 156,8m^2 đất vườn; ông C được 258,9m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 218,9m^2 đất vườn; ông Ng được 231,17m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 191,17m^2 đất vườn (Kế theo phần đất của ông C về phía Nam); ông N và anh T (con ông N) được 215,1m^2 đất, trong phần của ông N có 40m^2 đất ở, 120,84m^2 đất vườn, phần của anh T 54,26m^2 đất vườn kế theo phần đất giao cho ông Ng. Ông N, ông Ng được sở hữu diện tích nhà và các công trình xây dựng nằm trên phần đất được chia; phần đất còn lại có diện tích 54,03m^2 trong đó có 40m^2 đất ở, 14,03m^2 đất vườn thuộc quyền sử dụng của cụ Lê Thị L.

Sau khi cấn trừ phần cụ L phải trả cho ông Ng (kỷ phần thừa kế 5.491.500 đồng) cộng các chi phí xây dựng, sửa chữa của vợ chồng ông Ng 8.049.000 đồng) và phần ông Ng phải trả cho cụ L (Về giá trị đất ở là 14.000.000 đồng và đất vườn là 6.154.000 đồng) còn ông Ng phải hoàn trả cho cụ L 6.613.500 đồng (Sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) nhưng cụ L không yêu cầu nên Tòa ghi nhận sự tự nguyện này.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế giao cho ông Ng sở hữu 01 chiếc giường; giao cho cụ L sở hữu 01 chiếc giường, 01 bộ bàn ghế salon, 01 tủ đứng, 01 bàn vuông và 04 ghế dựa, hiện ông Ng đang quản lý các tài sản này, ông Ng có trách nhiệm giao lại các vật dụng trên cho cụ L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, bị đơn ông Hồ Văn Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H và bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu như sau:

Ông Ng yêu cầu được ở ngôi nhà, không đồng ý chia thừa kế ngôi nhà mà từ trước đến nay ông là người quản lý, sử dụng.

Bà Thân Thị H yêu cầu giao ngôi nhà cho ông Ng và bà vì nhà này là nhà từ đường.

Bà Nguyễn Thị B yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của cụ Hồ C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn Ng, bà Thân Thị H; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn cụ Lê Thị L về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất lúa và quyền sử dụng đất vườn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với đất lúa: Thửa số 108, diện tích 870m^2 và thửa số 128, diện tích 1.628 m^2 (loại đất 3L) thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện A Nh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lê Thị L. Theo Bản tự khai ngày 28.02.2018 của đại diện UBND thị xã A Nh thì những người được giao đất trong hộ cụ L gồm: cụ Lê Thị L, bà Hồ Thị Q, ông Hồ Ngọc C, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn N, bà Đào Thị Bích T và anh Hồ Hữu T2 do đó diện tích đất nêu trên là tài sản chung của 07 người, mỗi người được nhận 356,85m^2 (2.498 m^2 : 7).

Sau khi được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, các bên đã tự phân chia như sau:

Gia đình ông N gồm bà T (vợ), ông N và anh T2 (con) đã nhận 1.200m^2 thuộc thửa 108; bà Q và ông C sử dụng chung 649m^2 thuộc thửa số 128; Ông Ng, cụ L sử dụng chung 649m^2 thuộc thửa số 128 tờ bản đồ số 7 tại phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn N - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Lê Thị L, bị đơn ông Hồ Văn Ng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hồ Thị Q, ông Hồ Ngọc C, bà Đào Thị Bích T và anh Hồ Hữu T2 đều thống nhất hiện nay toàn bộ diện tích đất lúa đã không còn do bị thu hồi giải tỏa, số tiền đền bù giải tỏa các đương sự đã nhận và sử dụng nên các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung là đất ruộng tại thửa đất số 108 và 128 tờ bản đồ số 07 như trước đây nữa mà chỉ yêu cầu chia tài sản chung là đất vườn và chia thừa kế đất ở tại thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 07 tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A

Nh. Xét thấy, yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối đất vườn: Thửa đất số 176 tờ bản đồ số 05, diện tích 1.256 m^2 loại đất thổ cư tọa lạc tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định do cụ Lê Thị L đăng ký kê khai năm 1983. Theo hồ sơ đăng ký kê khai năm 1993 thửa đất số 176 được chia thành 02 thửa: Thửa 217 tờ bản đồ số 07 diện tích 332m^2 (200m^2 đất ở và 132m^2 đất vườn); thửa 218 tờ bản đồ số 07 diện tích 624 m^2 loại đất vườn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ L. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất vào ngày 25.10.2018 thì tổng diện tích đất mà gia đình cụ L đang sử dụng là 1.321,6 m^2 trong đó diện tích đã xây dựng các công trình là 307,1m^2, chênh lệch thừa 365,6 m^2 so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 956m^2). Tuy nhiên, theo xác nhận của UBND thị xã A Nh việc chênh lệch diện tích là do sai số trong quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, gia đình cụ L đã sử dụng đất ổn định từ trước đến nay, không có tranh chấp với các các hộ liền kề vì vậy có căn cứ để xác định rằng diện tích đất 365,6m^2 (đất vườn) là của vợ chồng cụ Hồ C, Lê Thị L còn diện tích đất vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 756m^2 là tài sản chung của hộ cụ L nên các thành viên trong hộ (07 thành viên) gồm: cụ L, bà Q, ông C, ông Ng, ông N, bà T và anh T2 do đó mỗi người được nhận 108m^2 (756m^2:7); giá đất vườn theo Biên bản định giá ngày 25.10.2018 là 900.000 đồng/m^2 thành tiền 97.200.000 đồng.

Đất ở và đất vườn (phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là của chủ cũ tức là tài sản chung của cụ Hồ C và cụ L nên cụ C và cụ L mỗi người được nhận 100m^2 đất ở (200m^2 : 2) và 182,8m^2 đất vườn (365,6m^2 : 2). Theo Biên bản định giá ngày 25.10.2018 giá đất ở là 250.000.000 đồng (100m^2 x 2.500.000đồng/m^2), giá đất vườn là 164.520.000 đồng (182,8m^2 x 900.000 đồng/m^2); nhà ở giá 16.866.630 đồng; cây giá 2.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cụ L và cụ C mỗi người được nhận 434.086.630 đồng.

[2] Xét yêu cầu của cụ L về việc chia di sản thừa kế của cụ Hồ C thấy rằng: Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ C gồm: cụ L, ông L, ông D, bà Q, ông N, ông Ng và ông C nhưng ông L và ông D tự nguyện không nhận phần thừa kế của mình được hưởng mà để cho cụ L và các em là bà Q, ông N, ông Ng và ông C.

Bà Nguyễn Thị B là con riêng của cụ Lê Thị L yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của cụ Hồ C với lý do sau khi mẹ bà là cụ L tái hôn với cụ C, cụ C đã đem bà về nuôi dưỡng chăm sóc và xem bà như con ruột tuy nhiên ông Hồ Văn N là đại diện theo ủy quyền của cụ L không công nhận mà cho rằng khi cụ L về sống chung với cụ C thì bà B ở với bà nội là Nguyễn Thị Ch ở thôn H C, xã N H, huyện A Nh và được

cố Ch nuôi dưỡng cho đến khi bà B trưởng thành, lập gia đình. Bà B cũng không có hộ khẩu với cụ L, cụ C. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà B đòi hưởng thừa kế của cụ C là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của bà B yêu cầu được hưởng thừa kế của cụ C không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Như vậy, di sản của cụ C được chia thành 05 phần cho cụ L, bà Q, ông N, ông Ng và ông C mỗi người được nhận 86.817.326 đồng (434.086.630 đồng: 5).

[3] Việc phân chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất ở, đất vườn:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25.10.2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định kèm theo Sơ đồ hiện trạng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên thửa đất số 217 và 218 tờ bản đồ số 07 hiện có nhà do vợ chồng cụ C tạo lập, nhà của vợ chồng ông C và nhà của bà Q. Để đảm bảo giá trị tài sản của các đương sự đã xây dựng gắn liền với quá trình sử dụng đất, tránh xáo trộn bất tiện cho việc sử dụng đất sau này, tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự và đảm bảo giá trị sử dụng đất sau khi phân chia nên việc phân chia cụ thể như sau:

Chia giao cho bà Q được quyền sử dụng 276,2m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở, 236,2m^2 đất vườn và 02 bụi tre; tổng giá trị tài sản bà Q được nhận là 333.980.000 đồng.

Chia giao cho ông C được quyền sử dụng 265,1m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở, 225,1m^2 đất vườn tổng giá trị tài sản ông C được nhận là 320.590.000 đồng.

Chia giao cho ông Ng được quyền sử dụng 456,8m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở, 416,8m^2 đất vườn và được sở hữu diện tích nhà, các công trình xây dựng nằm trên phần đất được chia, 01 bụi tre, 01 cây keo và 01 cây sầu đông tổng giá trị tài sản ông Ng được nhận là 495.020.000 đồng.

Chia giao cho cụ L được quyền sử dụng 209,7m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở, 169,7m^2 đất vườn tổng giá trị tài sản cụ L được nhận là 214.460.260 đồng (trên phần đất giao cho cụ L có một phần chuồng bò của ông Ng nên ông Ng phải tự tháo dỡ).

Ông N đã có nhà ở nơi khác nên việc chia giao hiện vật là quyền sử dụng đất cho ông N ít hơn, cụ thể chia giao cho ông N được quyền sử dụng 113,8m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở; 73,8m^2 đất vườn và 01 cây Sầu đông; tổng giá trị tài sản ông N được nhận là 184.520.000 đồng.

[4] Qúa trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cụ L tự nguyện giao cho bà Q, ông N, ông Ng và ông C mỗi người 20m^2 đất ở nên những người này được hưởng phần này, cụ thể như sau:

Cụ L được chia giá trị 418.103.956 đồng nhưng được nhận 214.460.260 đồng.

Ông N được chia giá trị 234.017.326 đồng nhưng được nhận 184.520.000 đồng.

Bà Q được chia giá trị 234.017.326 đồng nhưng được nhận 333.980.000 đồng nên bà Q phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà T 97.200.000 đồng, thanh toán cho anh T2 2.762.674 đồng.

Ông C được chia giá trị 234.017.326 đồng nhưng được nhận 320.590.000 đồng nên ông C phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh T2 86.572.674 đồng.

Ông Ng được chia giá trị 234.017.326 đồng nhưng được nhận 495.020.000 đồng nên phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho cụ L 203.643.696 đồng, thanh toán cho ông N 49.497.326 đồng và thanh toán cho anh T2 7.861.652 đồng.

Bà Thân Thị H (vợ ông Ng) kháng cáo yêu cầu chia giao cho vợ chồng bà ngôi nhà của vợ chồng cụ C tạo lập mà hiện nay vợ chồng bà đang quản lý sử dụng là phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì cụ L được miễn án phí vì là người cao tuổi.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà Q, ông N, ông Ng, ông C, bà T và anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị tài sản được chia.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Ng, bà H được chấp nhận nên ông Ng, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Yêu cầu kháng cáo của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Tòa đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 12.300.000 đồng nên theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì cụ L, bà Q, ông N, ông Ng, ông C, bà T và anh T2 mỗi người phải chịu 1.757.142 đồng. Cụ L đã nộp tạm ứng 2.300.000 đồng, ông Ng đã tạm ứng 10.000.000 đồng nên bà Q, ông C, ông N, bà T mỗi người phải hoàn trả cho ông Ng 1.757.142 đồng; anh T2 phải hoàn trả cho ông Ng 1.214.267 đồng và hoàn lại cho cụ L 542.875 đồng.

[8] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ng, bà H; Bác kháng cáo của bà B; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 157, 158, 165, 166, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn Ng, bà Thân Thị H. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Bà Hồ Thị Q được quyền sử dụng 276,2m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 236,2 m^2 đất vườn và 02 bụi tre thuộc thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 07 tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

2. Ông Hồ Ngọc C được quyền sử dụng 265,1m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 225,1m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 07 tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

3. Ông Hồ Văn Ng được quyền sử dụng 456,8m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 416,8m^2 đất vườn và được sở hữu diện tích nhà, các công trình xây dựng nằm trên phần đất được chia, 01 bụi tre, 01 cây sầu đông và 01 cây keo thuộc thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 07 tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

4. Ông Hồ Văn Ng phải có nghĩa vụ giao cho cụ Lê Thị L được quyền sử dụng 209,7m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 129,7m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 07 tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

5. Ông Hồ Văn Ng phải có nghĩa vụ giao cho ông Hồ Văn N được quyền sử dụng 113,8m^2 đất, trong đó 40m^2 đất ở, 73,8m^2 đất vườn và 01 cây Sầu Đông thuộc thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 07 tại tổ H T, khu vực A N, phường N H, thị xã A N, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

6. Ông Hồ Văn Ng phải có nghĩa vụ giao cho cụ Lê Thị L 203.643.696 đồng, ông Hồ Văn N 49.497.326 đồng, anh Hồ Hữu T2 7.861.652 đồng.

7. Bà Hồ Thị Q phải có nghĩa vụ giao cho bà Đào Thị Bích T 97.200.000 đồng, anh Hồ Hữu T2 2.762.674 đồng.

8. Ông Hồ Ngọc C phải có nghĩa vụ giao cho anh Hồ Hữu T2 86.572.674 đồng.

9. Về án phí, chi phí tố tụng:

9.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho cụ Lê Thị L 2.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 06307 ngày 30 tháng 3 năm 2015 và 0008524 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A Nh.

- Ông Hồ Văn Ng phải chịu 11.700.866 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 02281 ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A Nh, ông Ng còn phải nộp 11.500.866 đồng.

- Bà Hồ Thị Q, ông Hồ Văn N và ông Hồ Ngọc C mỗi người phải chịu 11.700.866 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hồ Hữu T2, bà Đào Thị Bích T mỗi người phải chịu 4.860.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008650 ngày 03.5.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A Nh.

- Ông Hồ Văn Ng, bà Thân Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0008648 và 0008649 ngày 03.5.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A Nh.

9.3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm: 12.300.000 đồng, cụ L, bà Q, ông N, ông Ng, ông C, bà T và anh T2 mỗi người phải chịu 1.757.142 đồng. Cụ L đã nộp tạm ứng 2.300.000 đồng, ông Ng đã tạm ứng 10.000.000 đồng nên bà Q, ông C, ông N và bà T mỗi người phải hoàn trả cho ông Ng 1.757.142 đồng; anh T2 phải hoàn trả cho ông Ng 1.214.267 đồng và hoàn trả cho cụ L 542.875 đồng.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

11.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

11.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A Nh;
- Chi cục THADS thị xã A Nh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Tuấn Anh